

KINH TẾ PHÁT TRIỂN 2

Giảng viên: Phan Tiến Ngọc

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

- **Phần thứ nhất:** Tăng trưởng và mô hình thay đổi cơ cấu kinh tế
- **Phần thứ hai:** Tăng trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn
- **Phần thứ ba:** Các chiến lược thương mại
- **Phần thứ tư:** Kinh nghiệm phát triển của các nước
- **Phần thứ năm:** Định hướng chiến lược công nghiệp hóa ở Việt Nam

Tài liệu tham khảo chính

1. Malcolm Gillis, Dwight H. Perkin: "Giáo trình Kinh tế học phát triển, bản dịch ĐH thương mại, Hà nội 2010
2. Giáo trình Kinh tế phát triển, ĐH KTQD, NXB Lao động – Xã hội, 2005.
3. Sách chuyên khảo kinh tế phát triển dành cho chương trình cao học, NXB Lao động – Xã hội, 2008
4. Dedraj Ray: Development Economics, Boston University, 1998
5. M.D. Todaro, Kinh tế học cho thế giới thứ ba, NXB Giáo dục, 1998
6. Đỗ Hoài Nam, Trần Đình Thiên: "Mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", Hà nội 2009.

Thảo luận

1. Chia nhóm: 10 nhóm/lớp
2. Câu hỏi thảo luận: 5 phần của môn học
3. Trình bày nhóm: 2 nhóm trình bày 1 phần (có thể trình bày các vấn đề khác nhau trong cùng 1 phần của môn học)
4. Đánh giá (40%): (i) nội dung và phương pháp trình bày; (ii) sự tham gia của các thành viên.

CHƯƠNG I:

Tăng trưởng và mô hình thay đổi cơ cấu kinh tế

Tăng trưởng và mô hình thay đổi cơ cấu kinh tế

- I. Tăng trưởng và nguồn gốc tăng trưởng
- II. Mô hình thay đổi cơ cấu kinh tế
- III. Mô hình phát triển công nghiệp

I. Tăng trưởng và nguồn gốc tăng trưởng

1. Tổng quan tăng trưởng và phát triển kinh tế
2. Nguồn gốc tăng trưởng và phát triển kinh tế

1. Tổng quan tăng trưởng và phát triển kinh tế

Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng quy mô sản lượng hay thu nhập của một nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định

Sự gia tăng được xem xét dưới 2 góc độ:

Dưới góc độ tuyệt đối (mức tăng trưởng):

$$\Delta Y = Y_t - Y_0$$

Dưới góc độ tương đối (tốc độ tăng trưởng)

$$g = \Delta Y / Y_0 \cdot 100\%$$

Vai trò: là điều kiện cần của phát triển kinh tế



TÍNH HAI MẶT CỦA TĂNG TRƯỞNG: mặt số lượng và mặt chất lượng

Mặt lượng của tăng trưởng là biểu hiện bề ngoài của tăng trưởng và được phản ánh qua các chỉ tiêu đánh giá qui mô và tốc độ tăng trưởng

- **Mặt chất của tăng trưởng** (theo nghĩa hẹp): là thuộc tính bên trong của quá trình tăng trưởng kinh tế, được thể hiện ở sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế. (tốc độ tăng trưởng cao và được duy trì trong một thời gian dài; nền kinh tế tăng trưởng có hiệu quả (năng suất lao động, hiệu quả sử dụng vốn cao....))

CÁC CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG TĂNG TRƯỞNG

- Tổng giá trị sản xuất (GO)
- Tổng sản phẩm quốc nội (GDP)
- Tổng thu nhập quốc dân (GNI)
- Thu nhập quốc dân (NI)
- Thu nhập quốc dân sử dụng (NDI)

Phát triển kinh tế

- Amartya Sen "...Không thể xem sự tăng trưởng kinh tế như một mục đích cuối cùng. Cần phải quan tâm nhiều hơn đến sự phát triển cùng với việc cải thiện cuộc sống và nền tự do mà chúng ta đang hướng"
- Peter Calkins: Quan điểm phát triển theo 5 trục: đạo đức tinh thần, xã hội, chính trị, kinh tế và vật chất cùng với mô hình 4E (Evolution, Equity, Efficiency, Equilibrium).
- **Giáo trình KTPT: Phát triển kinh tế là quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế, bao gồm sự gia tăng về thu nhập, biến đổi theo đúng xu thế của cơ cấu kinh tế và sự tiến bộ về xã hội**

Phát triển kinh tế (tiếp)

3 nội dung của phát triển kinh tế:

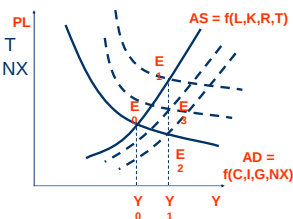
Phát triển KT	Tăng trưởng kinh tế	Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế	Sự tiến bộ xã hội
	(1)	(2)	(3)

- Sự gia tăng tổng mức thu nhập và thu nhập bình quân đầu người
- Sự biến đổi theo đúng xu thế của cơ cấu kinh tế
- Sự biến đổi ngày càng tốt hơn trong các vấn đề xã hội.

I. Tăng trưởng và nguồn gốc tăng trưởng

2. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

- Nhân tố kinh tế
 - Tác động AS: K; L; R; T
 - Tác động AD: C; I; G; NX
- Nhân tố phi kinh tế
 - Thể chế
 - Văn hóa
 - Tôn giáo
 - Dân tộc
 -



II. Mô hình thay đổi cơ cấu kinh tế

1. Tổng quan về cơ cấu kinh tế
2. Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Tổng quan về cơ cấu kinh tế

- Cơ cấu kinh tế là tổng thể hữu cơ các mối quan hệ về chất và lượng giữa các yếu tố, các bộ phận hợp thành của nền kinh tế trong một thời gian và trong những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định.
- Cơ cấu kinh tế là cấu tạo hay cấu trúc của nền kinh tế bao gồm:
 - Cơ cấu ngành kinh tế
 - Cơ cấu vùng kinh tế
 - Cơ cấu thành phần kinh tế
 - Cơ cấu tái sản xuất
 - Cơ cấu thương mại quốc tế

CƠ CẤU KINH TẾ HỢP LÝ?

- Phù hợp yêu cầu của các quy luật khách quan, đặc biệt là các quy luật kinh tế.
- Phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học-công nghệ hiện đại trên thế giới.
- Phù hợp với sự phân công hợp tác quốc tế hiện nay
- Sử dụng tối ưu tiềm năng và các lợi thế so sánh các nguồn lực của đất nước,
- Phát triển cân đối hợp lý các vùng, chú trọng các vùng KT trọng điểm.

2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là sự thay đổi về lượng, tỷ trọng, sự thay đổi về vị trí, vai trò và các mối quan hệ của các yếu tố cấu thành nên cơ cấu kinh tế.

Xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Cơ cấu ngành:
- Cơ cấu vùng:
- Cơ cấu thành phần kinh tế:
- Cơ cấu tái sản xuất:
- Cơ cấu thương mại quốc tế:

Cơ cấu ngành và xu hướng chuyển dịch

- **Khái niệm:** Cơ cấu ngành kinh tế: là tương quan giữa các ngành trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau.
- **Nội dung cơ cấu ngành:**
 - Số lượng ngành
 - Mối quan hệ tỷ lệ (định lượng)
 - Mối quan hệ tương hỗ (chất):
 - Trực tiếp:** Mối quan hệ ngược chiều
 - Mối quan hệ xuôi chiều**
 - Gián tiếp:**
 - Trạng thái cơ cấu ngành thể hiện trình độ phát triển kinh tế của các quốc gia

Chuyển dịch cơ cấu ngành

- ❖ **Chuyển dịch cơ cấu ngành** là quá trình thay đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác theo hướng ngày càng hiện đại, phù hợp hơn với môi trường.
- ❖ **Như thế nào là CDCC ngành:**
 - Thay đổi số lượng các ngành
 - Thay đổi tỷ trọng các ngành trong tổng thể
 - Thay đổi vị trí, mối quan hệ giữa các ngành
 - Thay đổi trong nội bộ ngành

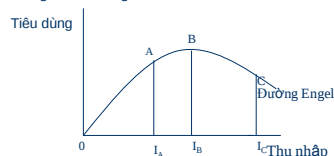
Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế (tiếp)

- ❖ **Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành mang tính khách quan** phù hợp với sự phát triển của sản xuất, của cung cầu, của phân công lao động xã hội (không gò ép)
- ❖ **Vai trò của chính phủ trong quá trình này:**
 - + Nắm bắt dấu hiệu (các động lực chuyển dịch)
 - + Định hướng chuyển dịch
 - + Sử dụng chính sách thúc đẩy quá trình chuyển dịch

CƠ SỞ LÝ THUYẾT CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH

Cơ sở lý thuyết: Hai quy luật

➢ Quy luật tiêu dùng của E. Engel



Tại mức thu nhập từ $0 - I_A$: $e_{DI} > 1$
 Tại mức thu nhập từ $I_A - I_B$: $0 < e_{DI} < 1$
 Tại mức thu nhập $I_B - I_C$: $e_{DI} < 0$

Quy luật tiêu dùng thực nghiệm (Engel curve)

- Nhu cầu lương thực giảm dần khi thu nhập đạt đến một mức độ nhất định: vai trò của nông nghiệp giảm dần
- Trong quá trình tăng thu nhập, tỷ lệ chi tiêu cho hàng thiết yếu giảm
- Tỷ lệ chi tiêu cho hàng hóa lâu bền có xu hướng gia tăng (nhỏ hơn tốc độ tăng thu nhập)
- Tỷ lệ chi tiêu cho hàng hóa cao cấp có xu hướng tăng mạnh (lớn hơn tốc độ tăng thu nhập)

QUY LUẬT TIÊU DÙNG CỦA E. ENGEL (TIẾP)

Sự phát triển quy luật Engel:



CƠ SỞ LÝ THUYẾT CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH (tiếp)

Quy luật đổi mới kỹ thuật và tăng NSLD (Fisher)

Ngành	Tác động của KHKT	Xu hướng sử dụng lao động
Nông nghiệp	Dễ thay thế lao động	Giảm cầu lao động
Công nghiệp	Khó thay thế lao động	Cầu lao động tăng
Dịch vụ	Khó thay thế lao động nhất	Cầu lao động tăng nhanh nhất

CƠ SỞ LÝ THUYẾT CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH (tiếp)

Lý thuyết các giai đoạn phát triển của W. Rostow.

Giai đoạn phát triển	Truyền thống	Chuẩn bị cất cánh	Cất cánh	Trưởng thành	Tiêu dùng cao
Dạng cơ cấu ngành	NN	NN-CN	CN-NN-DV	CN-DV - NN	DV- CN
Tỷ trọng NN	40% - 60%		15% - 25%		<10%
Tỷ trọng CN	10% - 20%		25% - 35%		35-40%
Tỷ trọng DV	10% - 30%		40% - 50%		50-60%

CÁC XU HƯỚNG CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ

1. GIẢM TỶ TRỌNG NÔNG NGHIỆP, TĂNG TỶ TRỌNG CÔNG NGHIỆP VÀ DỊCH VỤ
2. TỐC ĐỘ TĂNG CỦA NGÀNH DỊCH VỤ CÓ XU THẾ NHANH HƠN TỐC ĐỘ TĂNG CỦA CÔNG NGHIỆP
3. TĂNG DẦN TỶ TRỌNG CÁC NGÀNH SẢN PHẨM CÓ DUNG LƯỢNG VỐN CAO
4. XU THẾ "MỞ" CỦA CƠ CẤU KINH TẾ

Cơ cấu ngành theo mức độ thu nhập năm 2005

Cơ cấu ngành kinh tế theo mức độ thu nhập năm 2005 (%)

Các mức thu nhập	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
Toàn thế giới	4	28	68
Thu nhập cao	2	26	72
Thu nhập trung bình cao	7	32	61
Thu nhập trung bình thấp	13	41	46
Thu nhập thấp	22	28	50

Nguồn: WB, báo cáo phát triển, 2007

Các xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Xu thế "mở" của cơ cấu ngành kinh tế thường được xem xét trên các câu hỏi:

- Nền kinh tế của quốc gia này đã mở chưa?
- Nếu mở rồi thì mở như thế nào? XNK?
- Tính chất mở: cơ cấu xuất, cơ cấu nhập

III. Mô hình phát triển công nghiệp

1. Vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế
2. Lịch sử công nghiệp hóa
3. Các mô hình công nghiệp hóa

1. Vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế

- **K/N:** Công nghiệp, là một bộ phận của nền kinh tế, là lĩnh vực sản xuất hàng hóa vật chất mà sản phẩm được "**chế tạo, chế biến**" cho nhu cầu tiêu dùng hoặc phục vụ hoạt động kinh doanh tiếp theo.

Đây là hoạt động kinh tế, sản xuất quy mô lớn, được sự hỗ trợ thúc đẩy mạnh mẽ của các tiến bộ về công nghệ, khoa học và kỹ thuật.

- **Phân loại ngành công nghiệp:**
 - Công nghiệp khai thác
 - Công nghiệp chế biến
 - Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước

1. Vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế (tiếp)

- Công nghiệp tăng trưởng nhanh và làm gia tăng nhanh thu nhập quốc gia
- Công nghiệp cung cấp tư liệu sản xuất và trang bị kĩ thuật cho các ngành kinh tế
- Công nghiệp cung cấp đại bộ phận hàng tiêu dùng cho dân cư
- Công nghiệp cung cấp nhiều việc làm cho xã hội
- Công nghiệp thúc đẩy nông nghiệp phát triển
- Công nghiệp tạo hình mẫu ngày càng hoàn thiện về tổ chức sản xuất...

2. Lịch sử công nghiệp hóa

❖ Bản chất của công nghiệp hóa:

- Công nghiệp hóa là một quá trình phát triển công nghiệp từ thấp đến cao, là một quá trình thay đổi về lượng và chất cơ sở vật chất kĩ thuật của nền kinh tế kéo theo những biến đổi cơ bản tính chất của các mối quan hệ xã hội.
- Công nghiệp hóa là một quá trình phát triển kinh tế, trong quá trình này một bộ phận ngày càng tăng các nguồn của cải quốc dân được động viên để phát triển một cơ cấu kinh tế nhiều ngành với kỹ thuật hiện đại (UNIDO).
- Công nghiệp hóa là quá trình cải biến nền kinh tế nông nghiệp dựa trên nền tảng kỹ thuật thủ công, mang tính hiện vật, tự cấp-tự túc thành nền kinh tế công nghiệp-thị trường (Đỗ Hoài Nam, Trần Đình Thiên)

Quan niệm CNH, HĐH ở Việt Nam

• Khái niệm:

“Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế - xã hội, từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao.”

• Thực chất:

Là quá trình thực hiện sự thay đổi có tính cách mạng cả về lượng và về chất các yếu tố của LLSX, của kỹ thuật-công nghệ, của cơ cấu kinh tế, của tổ chức lao động và phong cách làm việc phù hợp với nền đại CN hiện đại.

Các chỉ số đo lường mức độ CNH

Chỉ tiêu cơ bản	Tiền CNH	Khởi đầu CNH	Phát triển CNH	Hoàn thiện CNH	Hậu CNH
GDP/người	720-1.440	1.440-2880	2.880-5760	5.760-10.810	> 10.310
Cơ cấu ngành	A>I>S	A>20% A<S<I	A<20% I>S>A	A<10% I>S>A	A<10% A<I<S
Tỷ trọng CN chế tác	20%	20-40%	40-50%	50-60%	>60%
Lao động NN	>60%	45-60%	30-45%	10-30%	<10%
Đô thị hóa	<30%	30-50%	50-60%	60-75%	>75%

Ghi chú: A: Nông nghiệp; I: công nghiệp; S: dịch vụ
GDP/người tính theo giá so sánh n"m 2004

2. Lịch sử công nghiệp hóa

❖ Lịch sử công nghiệp hóa:

- Giai đoạn trước năm 1820
- Giai đoạn 1820 – 1870
- Giai đoạn 1870 – 1913
- Giai đoạn 1913 – 1950
- Giai đoạn 1950 – nay

3. Các mô hình công nghiệp hóa

• Mô hình công nghiệp hóa kiểu “cổ điển”:

- Là mô hình CNH theo cơ chế thị trường tự do.
- Mô hình CNH gắn liền với quá trình xác lập và củng cố phương thức tư bản chủ nghĩa.
- Nguồn vốn công nghiệp hóa từ tích lũy trong nước, xâm chiếm thuộc địa
- Công nghiệp hóa trong điều kiện thương mại thuận lợi
- Công nghiệp hóa được tiến hành tuần tự, từng bước: Dệt→Cơ khí→CN nhẹ → CN nặng

Thảo luận

Ưu , nhược điểm của mô hình

3. Các mô hình công nghiệp hóa (tiếp)

• Mô hình công nghiệp hóa kiểu “hỗn hợp”:

- Thị trường tự điều tiết
- Chính phủ can thiệp tích cực vào hoạt động kinh tế
- Coi trọng nguồn vốn tích lũy từ trong nước và có sự trợ giúp về vốn và kỹ thuật từ bên ngoài
- Công nghiệp hóa trong điều kiện thương mại thuận lợi
- Công nghiệp hóa được tiến hành theo hướng: *Khu vực tư nhân* phát triển theo từng bước: Dệt→CN nhẹ → CN nặng. Còn đầu tư của *Chính phủ* ưu tiên phát triển CN nặng ngay từ đầu

Thảo luận

Ưu , nhược điểm của mô hình

3. Các mô hình công nghiệp hóa (tiếp)

• Mô hình công nghiệp hóa trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung:

- Là mô hình CNH theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung.
- Chính phủ trực tiếp chỉ đạo hoạt động kinh tế thông qua chỉ tiêu kế hoạch
- Nền kinh tế hoạt động dựa trên cơ sở chế độ công hữu
- Công nghiệp hóa theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng ngay từ giai đoạn đầu, sau đó mới là công nghiệp nhẹ
- Nguồn vốn cho công nghiệp hóa dựa vào tích lũy cao ở trong nước hoặc huy động viện trợ từ các nước XHCN

Thảo luận

Ưu , nhược điểm của mô hình

3. Các mô hình công nghiệp hóa (tiếp)

• Mô hình công nghiệp hóa kiểu “rút ngắn-hiện đại”:

- Là mô hình CNH vận theo cơ chế thị trường
- Chính phủ can thiệp tích cực và định hướng các hoạt động kinh tế.
- Huy động tối đa nguồn vốn trong nước kết hợp với nguồn vốn vay và đầu tư của nước ngoài
- Công nghiệp hóa được thực hiện bằng chiến lược hướng ra thị trường quốc tế, vừa sản xuất sản phẩm xuất khẩu, vừa kết hợp chính sách bảo hộ đối với những sản phẩm cần thiết
- Công nghiệp hóa được tiến hành qua 3 giai đoạn: sản xuất và xuất khẩu dựa vào lợi thế so sánh→Xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp nặng → Xuất khẩu những sản phẩm có hàm lượng vốn và công nghệ cao

Thảo luận

Ưu, nhược điểm của mô hình

Một số bài học kinh nghiệm thực hiện CNH

- ❖ Phương thức tiến hành: vừa "tuần tự" vừa có bước "rút ngắn"
- ❖ Định hướng chiến lược: hướng về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu
- ❖ Coi trọng phát triển và kết hợp các nguồn lực phục vụ CNH
- ❖ Coi trọng yếu tố văn hóa dân tộc trong CNH
- ❖ Coi trọng vai trò của Nhà nước trong thực hiện CNH
- ❖ Khả năng tận dụng lợi thế của nước đi sau

Thảo luận?

- Anh/chị bình luận gì về phát triển công nghiệp của Việt Nam?
- Công nghiệp hóa có phải là liều thuốc thần giúp đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển?
- Theo Anh/chị, để phát triển công nghiệp thành công, Việt Nam cần làm gì?

CHƯƠNG II:

Tăng trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn

Tăng trưởng nông nghiệp và phát triển nông thôn

- I. Phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp
- II. Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn

I. Phát triển nông nghiệp và chuyển đổi cơ cấu trong nông nghiệp

1. Đặc điểm của sản xuất nông nghiệp
2. Vai trò của nông nghiệp với phát triển kinh tế
3. Quá trình phát triển nông nghiệp

1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp

- ❖ **K/N:** Nông nghiệp là ngành sản xuất vật chất cơ bản của xã hội, sử dụng đất đai để trồng trọt và chăn nuôi, khai thác cây trồng và vật nuôi, tạo ra lương thực thực phẩm và cung cấp nguyên liệu cho các ngành kinh tế.
- ❖ **Phân loại ngành nông nghiệp:**
 - Theo nghĩa hẹp: trồng trọt và chăn nuôi
 - Theo nghĩa rộng: trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, thủy sản

1. Đặc điểm sản xuất nông nghiệp

- Nông nghiệp là ngành có lịch sử phát triển lâu đời
- Nông nghiệp là ngành tạo ra sản phẩm thiết yếu nhất phục vụ con người
- Sản xuất nông nghiệp gắn với cơ thể sống (động vật, thực vật)
- Đất đai đóng vai trò tối quan trọng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- Nông nghiệp phụ thuộc rất lớn vào thời tiết, khí hậu và các điều kiện tự nhiên khác
- Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ cao (do yếu tố sinh học và yếu tố thời tiết, khí hậu...)
- Tỷ lệ lao động và sản phẩm nông nghiệp trong cơ cấu nền kinh tế có xu hướng giảm dần

2. Vai trò của nông nghiệp đối với phát triển kinh tế

- Nông nghiệp cung cấp lương thực, thực phẩm, đảm bảo những nhu yếu phẩm thiết yếu cho sự tồn tại và phát triển của con người
- Nông nghiệp cung cấp các yếu tố đầu vào cho các hoạt động kinh tế (nguyên liệu, nhân lực...)
- Nông nghiệp góp phần cung cấp vốn tích lũy ban đầu cho công nghiệp hóa.
- Nông nghiệp là nguồn sinh kế, là lĩnh vực tạo việc làm cho một nửa nhân loại.
- Nông nghiệp và nông thôn là thị trường rộng lớn để tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp.
- Một số vai trò khác của nông nghiệp, nông thôn

3. Quá trình phát triển nông nghiệp

- **Nông nghiệp truyền thống**
 - Nông dân vẫn canh tác theo phương thức cũ
 - Việc ứng dụng phương thức sản xuất mới diễn ra chậm chạp.
 - Nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi phương thức SX thường bắt nguồn từ quá trình lao động của người nông dân
 - Sản xuất mang tính tự cung, tự cấp với một vài cây trồng, vật nuôi chủ yếu.
- * **Lưu ý:**
 - + Nông nghiệp truyền thống không hoàn toàn là "phi hiệu quả"
 - + Nông nghiệp truyền thống cũng không phải là không có sự cải tiến trong kỹ thuật canh tác.

3. Quá trình phát triển nông nghiệp (tiếp)

- **Quá độ sang nền nông nghiệp đa dạng, hỗn hợp**
 - Nông dân nuôi, trồng nhiều loại cây con mới để phục vụ sinh hoạt và bán trên thị trường
 - Sử dụng máy móc phương tiện nhỏ để tiết kiệm sức lao động, năng suất lao động tăng.
 - Hệ thống thủy lợi, phân bón được cung cấp khá đầy đủ và kịp thời
- * **Lưu ý:**
 - + Quá trình thay đổi phương thức sản xuất không chỉ phụ thuộc vào khả năng và kỹ năng của người nông dân trong việc nâng cao năng suất lao động, mà quan trọng hơn, nó phụ thuộc lớn vào các điều kiện về thể chế, xã hội và thương mại.

3. Quá trình phát triển nông nghiệp (tiếp)

- **Nông nghiệp hiện đại**
 - Ứng dụng tiến bộ công nghệ làm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi
 - Chuyên môn hóa sản xuất một loại cây trồng, vật nuôi nhất định.
 - Sản xuất hoàn toàn vì thị trường, và mục tiêu lợi nhuận thương mại
- * **Lưu ý:**
 - + Việc ứng dụng khoa học công nghệ không có phương thức tối ưu duy nhất mà tùy thuộc vào điều kiện của từng nước, từng vùng
 - + Việc sản xuất nông nghiệp phụ thuộc lớn vào các hệ thống hỗ trợ.

Thảo luận

- Nông nghiệp Việt Nam hiện nay đang ở giai đoạn nào?
- Theo anh/chị, Việt Nam nên áp dụng khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp theo hướng nào để đạt hiệu quả?



II. Một số chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn

1. Chính sách sử dụng đất nông nghiệp
2. Chính sách hỗ trợ trong nước (giá nông nghiệp)
3. Chính sách bảo hộ nông nghiệp
4. Chính sách đầu tư phát triển nông nghiệp
5. Chính sách tín dụng nông thôn
6. Chính sách khuyến nông

1. Chính sách sử dụng đất nông nghiệp

- Cải cách ruộng đất và đảm bảo quyền sở hữu, quyền sử dụng đất cho người sản xuất nông nghiệp
 - Cải cách hợp đồng thuê
 - Giảm giá thuê
 - Trả lại quyền sở hữu đất cho người lao động có bồi thường
 - Trả lại đất không có bồi thường
- Xây dựng hình thức sở hữu và sử dụng đất đai phù hợp
 - Trang trại gia đình, hộ gia đình
 - Trang trại lớn thuộc sở hữu của các điền chủ
 - Tập thể (nông trang, hợp tác xã)

2. Chính sách đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật
 - Hệ thống thủy lợi
 - Đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn
 - Đầu tư phát triển hệ thống điện nông thôn
 - Đầu tư phát triển hệ thống thông tin nông thôn
 - Phát triển thị trường ở nông thôn
- Đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng xã hội

3. Chính sách hỗ trợ trong nước (hỗ trợ giá)

- Xử lý mối quan hệ giữa giá đầu vào và giá tiêu thụ nông sản
 - Mối quan hệ giữa giá bán sản phẩm và giá mua các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến thu nhập của người nông dân
 - Mối quan hệ giữa giá bán sản phẩm và giá mua các yếu tố đầu vào ảnh hưởng đến việc người nông dân sản xuất gì, sản xuất bao nhiêu
- Trợ giá nông sản
 - Nông dân được trợ giá
 - Người tiêu dùng được trợ giá

4. Chính sách bảo hộ nông nghiệp

- Bảo hộ bằng thuế quan
- Bảo hộ bằng biện pháp phi thuế quan
 - Hạn chế định lượng: hạn ngạch, giấy phép
 - Quản lý giá
 - Hàng rào kỹ thuật: kiểm dịch động thực vật
 - Các biện pháp bảo vệ thương mại tạm thời: hạn chế nhập khẩu tạm thời, chống bán phá giá...



Thảo luận các chính sách phát triển nông nghiệp nông thôn

CHƯƠNG III:

Các chiến lược thương mại

Các chiến lược thương mại

- I. Lý thuyết thương mại quốc tế và phát triển kinh tế
- II. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô
- III. Chiến lược thay thế nhập khẩu
- IV. Chiến lược hướng ra xuất khẩu

I. Một số lý thuyết thương mại quốc tế và phát triển kinh tế

1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối
2. Lý thuyết lợi thế so sánh
3. Lý thuyết lợi thế nguồn lực trong thương mại quốc tế
4. Một số lý thuyết thương mại mới

1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối

- Nếu quốc gia A có lợi thế tuyệt đối trong việc sản xuất mặt hàng X so với nước B, và nước B có lợi thế tuyệt đối trong việc sản xuất mặt hàng Y rẻ hơn so với nước A, thì lúc đó mỗi quốc gia nên tập trung vào sản xuất mặt hàng mình có lợi thế và xuất khẩu sang quốc gia kia. Như vậy, cả hai quốc gia sẽ cùng được lợi.
- Lợi thế tuyệt đối: xác định theo NSLĐ tuyệt đối, nếu nước nào có chi phí lao động thấp hơn (NSLĐ cao hơn) về sản xuất một loại sản phẩm nào thì nước đó có lợi thế tuyệt đối so với nước khác về mặt hàng đó

1. Lý thuyết lợi thế tuyệt đối

Giả sử: mỗi nước có 1400 giờ công lao động
Thời gian cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm

Nước	Tivi (giờ/cái)	Rau muống (giờ/tấn)
Nhật Bản	20	7
Việt Nam	35	5

2. Lý thuyết lợi thế so sánh

Giả sử: mỗi nước có 1400 giờ công lao động
Thời gian cần thiết để sản xuất một đơn vị sản phẩm

Nước	Tivi (Giờ/cái)	Gạo (Giờ/tấn)	Chi phí cơ hội để sản xuất Tivi tính theo gạo	Chi phí cơ hội để sản xuất gạo theo tivi
Nhật	20	5	4	1/4
Việt Nam	35	7	5	1/5

2. Lý thuyết lợi thế so sánh

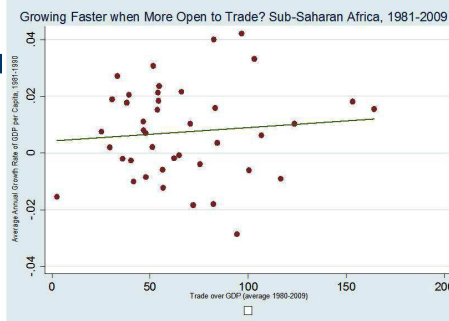
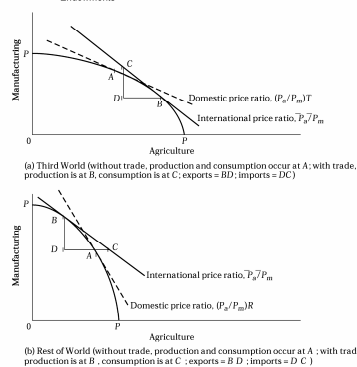
- Một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng có giá cả thấp hơn một cách tương đối so với quốc gia kia. Nói cách khác mỗi quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà quốc gia đó có thể sản xuất với hiệu quả cao hơn một cách tương đối với quốc gia kia. Như vậy cả hai nước đều thu được lợi ích.

3. Lý thuyết lợi thế nguồn lực trong thương mại quốc tế (Heckscher-Ohlin)

- Một quốc gia sẽ xuất khẩu những mặt hàng mà việc sản xuất đòi hỏi sử dụng nhiều một cách tương đối yếu tố sản xuất dồi dào của quốc gia. Như vậy cả hai nước đều thu được lợi ích.
- Hai định đề của Heckscher-Ohlin:
 - Mỗi sản phẩm có nhu cầu hao phí nguồn lực khác nhau
 - Sản phẩm nhu cầu nhiều lao động
 - Sản phẩm nhu cầu nhiều vốn
 - Mỗi nước có lợi thế nguồn lực khác nhau
 - Các nước đang phát triển: lợi thế vốn
 - Các nước phát triển: lợi thế lao động
- Nội dung phân công trong TMQT theo lợi thế nguồn lực:

Lợi ích của thương mại quốc tế

Figure 12.2 Trade with Variable Factor Proportions and Different Factor Endowments



Study	Data	Main Result
Dollar (1992) [150]	95 developing countries	Positive
Edwards (1992) [84]	30 developing countries	Positive
Ben-David (1993) [57]	European Economic Community	Positive – convergent
Sachs and Warner (1995) [51]	122 countries	Positive
Harrison (1996) [54]	17–51 countries	Positive
Edwards (1998) [60]	93 countries	Positive (TFP)
Frankel and Romer (1999) [89]	98 countries	Positive – trade instrumented
Irwin and Tervio (2002) [8]	23–146 countries	Positive – trade instrumented no – if geography measure is also included.
Dollar and Kraay (2003) [4]	63–154 countries	Positive – trade instrumented no – if both trade and institutions are instrumented.
Alcalá and Ciccone (2004) [–]	138 countries	Positive (TFP) – both trade and institutions instrumented.
Noguer and Siscart (2005) [–]	98 countries	Positive – trade instrumented Robust to inclusion of geography and institutions.

Phi thương bất phú!

Study	Country	Results
Clerides <i>et al.</i> (1998)	Colombia, Mexico, and Morocco	SS; LE in some Moroccan industries
Bernard and Jensen (1999a)	USA	SS
Kraay (1999)	China	LE in established exporters (does not test self-selection)
Aw <i>et al.</i> (2000)	Korea, Taiwan	SS; LE in some Taiwanese industries
Bigsten <i>et al.</i> (2000)	Cameroon, Ghana, Kenya, and Zimbabwe	SS; LE
Isgut (2001)	Colombia	SS
Delgado <i>et al.</i> (2002)	Spain	SS; LE in young exporters
Castellani (2002)	Italy	SS; LE in plants with high export orientation
Wagner (2002)	Germany	Absence of LE (does not test self-selection)
Girma <i>et al.</i> (2002)	UK	SS; LE in first 2 years of exporting
Baldwin and Gu (2003)	Canada	SS; LE
Van Biesebroeck (2003)	Nine Sub-Saharan African countries	SS; LE
Yasar and Nelson (2003)	Turkey	SS; LE
Alvarez and López (2004)	Chile	SS; LE in entrants
Hahn (2004)	Korea	SS; LE in first years of exporting
Arnold and Hussinger (2004)	Germany	SS

II. Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô

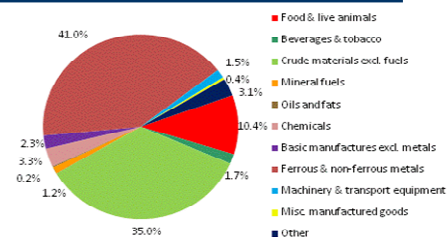
1. Đặc điểm các mặt hàng xuất khẩu của các nước đang phát triển
2. Nội dung của chiến lược
3. Tác động của chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô
4. Những hạn chế của chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô
5. Các biện pháp khắc phục

1. Đặc điểm các mặt hàng xuất khẩu của các nước ĐPT

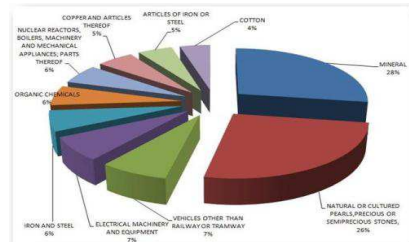
- ❖ Các sản phẩm xuất khẩu chủ yếu của LDCs
- Các sản phẩm dựa trên lợi thế tự nhiên của mình (đất đai, tài nguyên thiên nhiên, sức lao động)
- Xuất khẩu phụ thuộc vào một vài mặt hàng sơ chế.

Mặt hàng/dịch vụ	Kinh ngạch (tỷ USD)	Tăng (giảm) so với năm 2010 (%)	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu (%)
1. Dệt may	14	25,1	14,54
2. Dầu thô	7,2	45,9	7,48
3. Điện thoại	6,9	197,3	7,17
4. Giấy đẹp	6,5	27,3	6,75
5. Thủy sản	6,1	21,7	6,33
6. Điện tử, máy tính	4,2	16,9	4,36
7. Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng	4,1	34,5	4,26
8. Gỗ và sản phẩm gỗ	3,9	13,7	4,05
9. Gạo	3,6	12,2	3,74
10. Cao su	3,2	35	3,32
11. Cà phê	2,7	48,1	2,8
12. Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	2,7	-5,2	2,8
13. Phương tiện vận tải và phụ tùng	2,4	51,3	2,49
14. Xăng dầu	2,1	53,6	2,18
Tổng cộng (1-14)	69,6	34,2	72,3

1. Đặc điểm các mặt hàng xuất khẩu...



1. Đặc điểm các mặt hàng xuất khẩu...



2. Nội dung của chiến lược

Chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô là xuất khẩu những sản phẩm dựa trên lợi thế tự nhiên, chưa qua chế biến hoặc đang ở dạng sơ chế:

- sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản
- sản phẩm khai thác khoáng sản: dầu mỏ, than, quặng,

3. Tác dụng chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô

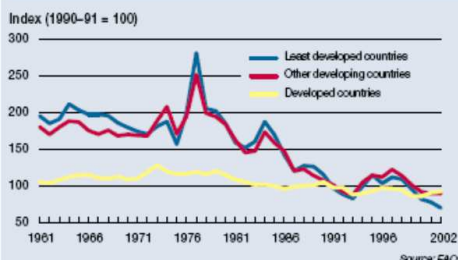
- Giải quyết vấn đề thiếu vốn
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo chiều rộng
 - Tăng cường sử dụng các yếu tố sản xuất lao động, đất đai, tài nguyên
- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế
 - Phát triển ngành có lợi thế tài nguyên, lao động
 - Phát triển ngành có mối liên kết ngược
 - Phát triển ngành có mối liên kết xuôi
 - ...V.V....

4. Những hạn chế của chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô

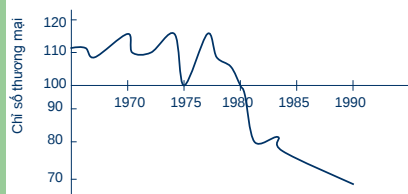
- + Trở ngại về thị trường
- + Cung sản phẩm thô: có xu hướng không ổn định
- + Cầu sản phẩm thô: giảm hoặc tăng chậm
- + Giá cả so sánh với sản phẩm chế biến (Hệ số trao đổi sản phẩm) có xu hướng giảm:

$$\text{Giá bình quân hàng hóa xuất khẩu} / \text{Giá bình quân hàng hóa nhập khẩu}$$

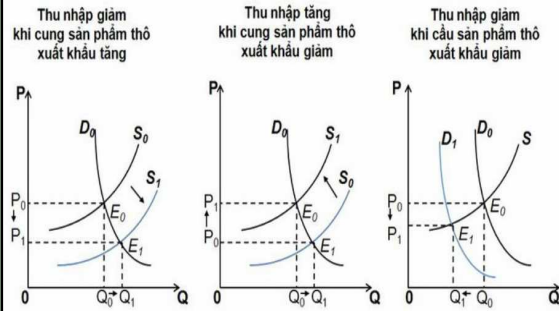
Barter terms of trade for agriculture versus manufactures: indexed ratios of agricultural export unit values to manufacturing export unit values of developed countries



Tỷ giá mậu dịch của LDCs phi dầu lửa 1965-88 (1975=100)



Khảo sát thu nhập các nước xuất khẩu thô

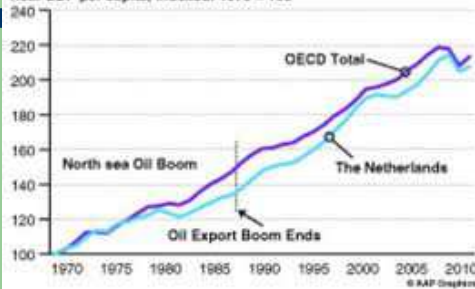


4. Những hạn chế của chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô

- + Thu nhập từ xuất khẩu sản phẩm thô biến động
- + Những mối liên kết kinh tế không hiệu quả
- + Tranh giành đặc quyền, đặc lợi và tham nhũng
- + Hiện tượng "căn bệnh Hà Lan"

The Dutch Disease

Real GDP per capita, Indexed: 1970 = 100



5. Giải pháp khắc phục những trở ngại

- **Quan điểm về xuất khẩu thô ở các nước đang phát triển**
 - Không nên coi là chiến lược lâu dài
 - Phải có giải pháp nhằm ổn định thu nhập cho các nước xuất khẩu thô

Hai khuyến cáo của Liên hiệp quốc:

Giải pháp khắc phục những trở ngại (tiếp)

Khuyến cáo 1: thiết lập trật tự thể giới mới

- + Những nước xuất khẩu cùng 1 loại sản phẩm thô thành lập hiệp hội xuất khẩu.
- + Thực chất: ký kết hiệp định nhằm xây dựng lượng cung ứng sản phẩm thô trên thị trường quốc tế sao cho ổn định
- + Mục đích: ổn định lượng cung → ổn định giá → ổn định thu nhập.

Giải pháp khắc phục những trở ngại (tiếp)

Khuyến cáo hai: Kho đệm dự trữ quốc tế

- Nội dung: Các nước xuất khẩu và nhập khẩu cùng 1 sản phẩm thô thành lập một quỹ chung (gọi là kho đệm dự trữ)
- Cơ chế hoạt động:
 - + Nếu giá thị trường giảm: kho đệm mua hàng vào.
 - + Nếu giá tăng: bán hàng ra.

Giải pháp khắc phục những trở ngại (tiếp)

- Thiết lập các hiệp định hàng hoá quốc tế
- Thành lập các tổ chức quốc tế cùng xuất khẩu một loại hàng hoá
- Trợ giúp của chính phủ
- Xây dựng các kho đệm dự trữ quốc tế



Thảo luận

- Việt Nam có nên áp dụng chiến lược xuất khẩu sản phẩm thô hay không? Vì sao?
- Chiến lược xuất khẩu của Việt Nam hiện nay có phải là xuất khẩu sản phẩm thô không?
- Khuyến nghị nhằm khắc phục những hạn chế của việc xuất khẩu sản phẩm thô?

III. Chiến lược thay thế nhập khẩu

1. Mục đích của chiến lược thay thế nhập khẩu
2. Điều kiện thực hiện chiến lược
3. Tác động của chiến lược thay thế nhập khẩu
4. Những hạn chế của chiến lược thay thế nhập khẩu

1. Mục đích của chiến lược

- Thay thế nhập khẩu là việc sản xuất ra các loại hàng hóa và dịch vụ để thay thế cho các mặt hàng nhập khẩu.
- **Mục đích:**
 - + Chuyển hướng sản xuất và xuất khẩu, khắc phục mức độ trầm trọng trong thâm hụt cán cân thương mại và thanh toán quốc tế ở các nước đang phát triển.
 - + Chiến lược nuôi dưỡng ngành công nghiệp non trẻ ở các nước đang phát triển

1. Mục đích của chiến lược (tiếp)

- **Trình tự thực hiện chiến lược:**
 - + Giai đoạn đầu: hạn chế nhập khẩu hàng tiêu dùng cuối cùng
 - + Giai đoạn hai: Hạn chế nhập khẩu hàng hóa trung gian
 - + Cuối cùng: xóa bỏ chính sách hạn chế nhập khẩu

2. Điều kiện thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu

- Có thị trường trong nước đủ lớn
- Làm chủ công nghệ sản xuất
- Có chính sách bảo hộ mạnh của chính phủ
 - Thuế nhập khẩu
 - Hạn ngạch (quota)
 - Trợ cấp, trợ giá, bù lỗ

2. Điều kiện thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu (tiếp)

• Bảo hộ bằng thuế quan

- Khái niệm: chính phủ đánh thuế với mức thuế suất: $t = \%P_w$ (P_w – giá quốc tế của hàng hóa nhập khẩu).
- Kết quả: làm cho P_d (giá trong nước của hàng hóa nhập khẩu) tăng lên

$$P_d = P_w \times (1 + t)$$
- Hiệu ứng:
 + Lượng hàng nhập giảm đi
 + Khuyến khích sản xuất trong nước.

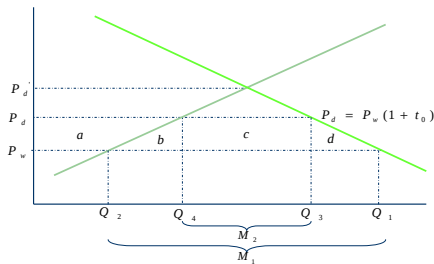
2. Điều kiện thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu (tiếp)

• Các hình thức bảo hộ bằng thuế quan

- (1) Bảo hộ danh nghĩa: chính phủ đánh thuế vào hàng nhập khẩu có sức cạnh tranh với hàng trong nước, làm cho giá hàng trong nước cao hơn giá hàng trên thị trường quốc tế (bao gồm hàng hóa trung gian và cả hàng hóa cuối cùng)

Ví dụ: bảo hộ ngành ô tô: đánh thuế với mức thuế suất: $t = t_0$ như nhau với: thân xe, vỏ xe, lốp xe...

Hiệu ứng của chính sách bảo hộ danh nghĩa



2. Điều kiện thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu (tiếp)

- (2) Bảo hộ thực tế: chính phủ thực hiện đánh thuế với các mức thuế suất khác nhau đối với các hàng hóa nhập khẩu có tính chất khác nhau;

- Đối với hàng hóa cuối cùng: $t = t_0$ (cao)
- Đối với các hàng hóa trung gian: $t = t_1$
 $(t_1 < t_0, t_1 = 0)$

2. Điều kiện thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu (tiếp)

- Bảo hộ bằng hạn ngạch (Quota): Chính phủ thực hiện mục tiêu giảm lượng hàng nhập bằng cách khống chế trước lượng hàng nhập khẩu, thông qua việc cấp giấy phép nhập khẩu cho các tổ chức có đủ điều kiện.
- Các biện pháp bảo hộ khác

3. Những hạn chế của chiến lược thay thế nhập khẩu

- Những ngành thay thế nhập khẩu vẫn hoạt động không hiệu quả, tồn kém, giảm khả năng cạnh tranh
- Người hưởng lợi từ chiến lược này lại là các công ty nước ngoài
- Khuyến khích CN sử dụng nhiều vốn phục vụ thói quen tiêu dùng của người giàu
- Chiến lược này làm nảy sinh nhiều tiêu cực
- Hạn chế xu hướng công nghiệp hóa đất nước
- Tác động tới XK các sản phẩm sơ chế do năng tỷ giá hối đoái nhân tạo
- Làm gia tăng bất bình đẳng trong phân phối thu nhập



Thảo luận

- Việt Nam có áp dụng chiến lược thay thế nhập khẩu không?
- Việt Nam thực thi chính sách thay thế nhập khẩu ở lĩnh vực nào?
- Anh/chị đánh giá thế nào về hiệu quả chính sách thay thế nhập khẩu đối với những ngành đó?

IV. Chiến lược hướng về xuất khẩu

1. Nội dung và mục đích của chiến lược hướng về xuất khẩu
2. Điều kiện thực hiện chiến lược
3. Tác động của chiến lược hướng về xuất khẩu
4. Những hạn chế của chiến lược hướng về xuất khẩu

1. Nội dung và mục đích của chiến lược hướng về xuất khẩu

- **Nội dung chiến lược** : hướng sản xuất trong nước ra thị trường quốc tế
- **Mục đích**
 - + Đưa ra những chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới.
 - + Chiến lược này khác với chiến lược thay thế nhập khẩu ở chỗ nó sử dụng khả năng cạnh tranh để thúc đẩy đầu tư, tăng năng suất, học hỏi và tiếp thu công nghệ mới nhằm hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế.



(*) Chiến lược hướng ngoại của các nước NICs:

Hướng ngoại theo dấu hiệu lợi thế nguồn lực: giá cả các yếu tố nguồn lực

- Giai đoạn đầu: (những năm 1960): Sản xuất những mặt hàng xuất khẩu sử dụng nhiều lao động
- Giai đoạn tiếp sau (thập niên 80): hướng ngoại hàng hóa vốn và lao động ngang nhau
- Giai đoạn hiện nay: xuất khẩu hàng hóa có dung lượng vốn cao



(*) Chiến lược hướng ngoại của các nước ASEAN:

- Hướng ngoại theo dấu hiệu lợi thế so sánh (sản phẩm thô)
- Mô hình chiến lược hướng ngoại mang tính tổng hợp
 - + Nhấn mạnh hướng về xuất khẩu
 - + Quan tâm đến thị trường trong nước
 - + Sản xuất trong nước theo các dấu hiệu quốc tế

1. Mục đích của chiến lược (tiếp)

- Trình tự thực hiện chiến lược:
 - + **Giai đoạn đầu**: Thực hiện sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng sử dụng nhiều nhất những yếu tố có sẵn trong nước (lao động, tài nguyên...)
 - + **Giai đoạn hai**: Chuyển sang sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng tinh xảo hơn → lợi thế cạnh tranh cũng chuyển sang các mặt hàng đòi hỏi trình độ kỹ thuật cao

2. Điều kiện thực hiện chiến lược

- Ổn định kinh tế vĩ mô là điều kiện cơ bản cho sự thành công của chiến lược
- Phát triển nền giáo dục hợp lý và các cơ sở đào tạo để cung cấp lực lượng lao động có kỹ năng
- Dỡ bỏ hạn ngạch, thuế quan và các hình thức bảo hộ khác.
- Thả nổi tiền tệ theo tỷ giá hối đoái do thị trường
- Giảm gánh nặng pháp lý không cần thiết, giảm chi phí các thủ tục hành chính, tệ quan liêu
- Duy trì thị trường các yếu tố sản xuất linh hoạt.
- Chính phủ đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng vật chất để hỗ trợ xuất khẩu
- Xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất,

3. Tác động của chiến lược hướng về XK

- Cải thiện cán cân thương mại và thanh toán quốc tế
- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng có hiệu quả
- Nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế
- Mở rộng, tiếp cận thị trường, công nghệ mới, ý tưởng mới.

4. Hạn chế của chiến lược

- Rủi ro về thị trường xuất khẩu → Bị động trong việc xuất khẩu
- Vấp phải rào cản do các nước nhập khẩu dựng lên
- Bỏ quên thị trường trong nước
- Lợi ích của quốc gia thấp nếu phải nhập khẩu nguyên liệu đầu vào để sản xuất hàng xuất khẩu
- Cuộc đua về giữ giá nhân công thấp
- Gia tăng sự bất bình đẳng về thu nhập...



Thảo luận

- Từ 3 chiến lược thương mại quốc tế → Anh/chị suy nghĩ gì về chiến lược thương mại quốc tế của Việt Nam?

CHƯƠNG IV:

Kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước

Kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước

- I. Kinh nghiệm của các quốc gia, vùng lãnh thổ NICs châu Á
- II. Kinh nghiệm của các quốc gia ASEAN
- III. Kinh nghiệm của Trung Quốc và Ấn Độ
- IV. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

I. Kinh nghiệm của các quốc gia, vùng lãnh thổ NICs châu Á

1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc
2. Kinh nghiệm của Đài Loan
3. Kinh nghiệm của Singapore
4. Kinh nghiệm của Hồng Kông

1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

1.1. Các giai đoạn phát triển kinh tế của Hàn Quốc

+ Giai đoạn phục hồi kinh tế 1953-1961

Hàn Quốc vừa mới ra khỏi cuộc khủng hoảng KT
Thực hiện chính sách thay thế nhập khẩu.

Tăng trưởng kinh tế khiêm tốn (5,1%)

+ Giai đoạn phát triển thương mại quốc tế 1962-1971

1961-1966 thực hiện thay thế nhập khẩu

1966-1971 chuyển hướng sang đẩy mạnh xuất khẩu

Tốc độ tăng trưởng trình bình đạt 9%

1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

1.1. Các giai đoạn phát triển kinh tế của Hàn Quốc

+ Giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa 1972-1981

Phát triển mạnh công nghiệp luyện thép, đóng tàu, hóa chất, điện tử, ô tô → nền kinh tế có bước phát triển vượt trội, nhiều hãng lớn ra đời, phát triển và có tên tuổi trên thế giới

+ Giai đoạn điều chỉnh chính sách sau 1980 trở lại đây

Tiếp tục tăng trưởng kinh tế cao 9%

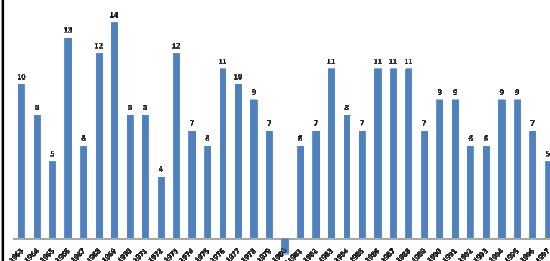
Sản xuất và xuất khẩu sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao

Chiến lược quốc gia về "tăng trưởng xanh, các-bon thấp"

Những điểm chính trong Chiến lược Tăng trưởng xanh của Hàn Quốc:

- 1) Thích ứng với biến đổi khí hậu;
- 2) Giảm phát thải khí nhà kính một cách hiệu quả;
- 3) Giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hoá thạch;
- 4) Phát triển công nghệ xanh;
- 5) Xanh hoá các ngành công nghiệp hiện có;
- 6) Phát triển các ngành công nghiệp tiên tiến;
- 7) Xây dựng nền tảng cho kinh tế xanh;
- 8) Xây dựng không gian xanh và giao thông vận tải xanh;
- 9) Thực hiện cuộc cách mạng xanh về lối sống;
- 10) Hỗ trợ quốc tế cho tăng trưởng xanh

Tăng trưởng kinh tế của Hàn quốc 1963-1997



1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

1.2. Đặc điểm mô hình kinh tế của Hàn Quốc

+ Vai trò của chính phủ trong hoạch định chính sách và xây dựng các quy hoạch phát triển.

Vai trò điều tiết chính sách của chính phủ Hàn Quốc

Các doanh nghiệp nhà nước có vai trò lớn để định hướng nền kinh tế phát triển.

+ Đẩy mạnh tích lũy trong nước đồng thời tranh thủ vốn vay bên ngoài để phát triển

1. Kinh nghiệm của Hàn Quốc

1.2. Đặc điểm mô hình kinh tế của Hàn Quốc

- + Tập trung xây dựng các tổ hợp công nghiệp lớn, có tính chất độc quyền và kinh doanh tổng hợp
- + Chính sách thương mại quốc tế năng động và mềm dẻo, Thay thế nhập khẩu → hướng về xuất khẩu → xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất...
- + Phát triển nguồn nhân lực được coi trọng

1.3. Một số hạn chế khó khăn của mô hình Hàn Quốc

- + Tỷ lệ đầu tư cao, vốn vay lớn → làm tăng gánh nợ → rủi ro
- + Nông nghiệp nông thôn không được quan tâm đúng mức. Vì vậy Hàn Quốc trở thành quốc gia phải nhập khẩu nông sản
- + Chính sách hướng về xuất khẩu trong giai đoạn hiện nay gặp nhiều khó khăn

2. Kinh nghiệm của Đài Loan

2.1. Các giai đoạn phát triển kinh tế của Đài Loan

- + Giai đoạn thứ nhất 1953-1962
Thực hiện chính sách phát triển nông nghiệp gắn với thay thế nhập khẩu
- + Giai đoạn thứ hai 1963-1973
Thực thi chiến lược hướng về xuất khẩu sử dụng nhiều lao động
Xây dựng các khu chế xuất
- + Giai đoạn 1974-1989 (chính sách nhị nguyên)
- + Giai đoạn 1990 đến nay (phát triển doanh nghiệp VVN)

2. Kinh nghiệm của Đài Loan

2.2. Đặc điểm mô hình kinh tế của Đài Loan

- + Chính sách hướng về xuất khẩu có tác dụng thúc đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, tăng cường khả năng cạnh tranh trên cơ sở công nghệ cao.
- + Phát triển công nghiệp với nhiều loại hình quy mô thích hợp, coi trọng đầu tư vào công nghệ cao. (thử nghiệm khu công nghệ cao Tân Chu)
- + Thu hút vốn đầu tư nước ngoài ODA, và FDI.
- + Tăng tỷ lệ tiết kiệm trong nước
- + Phát triển nguồn nhân lực được coi trọng
- + Chênh lệch thu nhập giữa các khu vực, giữa các tầng lớp dân cư thấp

2. Kinh nghiệm của Đài Loan

2.3. Một số hạn chế của mô hình

- + Chiến lược thay thế nhập khẩu chỉ phát huy tác dụng trong khoảng thời gian ngắn.
- + Chính sách hướng về xuất khẩu chủ yếu hướng tập trung vào thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản... → phụ thuộc lớn.
- + Khu vực dịch vụ của Đài Loan chưa được phát triển tương xứng với tiềm năng → hạn chế chất lượng tăng trưởng

3. Kinh nghiệm của Singapore

3.1. Đặc điểm mô hình phát triển của Singapore

- + Phát triển mạnh dịch vụ thương mại, tài chính quốc tế.
- + Công nghiệp chế tác, nhất là những lĩnh vực kỹ thuật cao, đóng tàu, sửa chữa tàu thủy, chế tạo máy chính xác phát triển mạnh.
- + Mức tích lũy (~80%) và tỷ lệ đầu tư cao (trên 40%)
- + Có chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng các khu chế xuất...
- + Có cơ chế ưu đãi với những doanh nghiệp mũi nhọn, doanh nghiệp hướng về xuất khẩu
- + Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và môi trường.
- + Quản lý của chính phủ đóng vai trò quan trọng

THẢO LUẬN NHÓM

- Từ kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước NICs Đông Á, anh/chị rút ra bài học kinh nghiệm gì cho Việt Nam?

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- **Vai trò của Chính phủ trong phát triển kinh tế**
 - Chính phủ mạnh, có sự quản lý chặt chẽ, đội ngũ cán bộ công chức mẫn cán. coi trọng việc nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, chống quan liêu, tham nhũng
 - Tăng cường quản lý vĩ mô của nhà nước
 - Xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, phù hợp, thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển.
 - Chính phủ coi trọng công tác xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển, thậm chí một số quốc gia còn có sự quản lý khá chi tiết.
 - Đẩy mạnh đầu tư vào phát triển kết cấu hạ tầng, tạo môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- **Chính sách công nghiệp hóa**
 - Trong giai đoạn đầu đều tập trung vào phát triển công nghiệp nhẹ, chọn ra những ngành ưu tiên để phát huy các lợi thế so sánh
 - Chú trọng khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ làm vệ tinh cho các xí nghiệp lớn. → năng suất, chất lượng theo kịp chuẩn mực quốc tế, giá cả hợp lý.
 - Phát triển các ngành công nghiệp hướng về xuất khẩu gắn với công nghệ cao

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- **Chính sách hướng về xuất khẩu**
 - Tạo môi trường thuận lợi để thực hiện các hoạt động kinh tế đối ngoại.
- **Chính sách đầu tư và phát triển kỹ thuật**
 - Coi trọng huy động và sử dụng vốn ODA
 - Quản lý chặt vốn vay nước ngoài để đầu tư phát triển
 - Tăng cường huy động vốn đầu tư từ nhân cả trong và ngoài nước.
 - Tăng cường tích lũy vốn trong nước phục vụ phát triển
 - Khuyến khích đầu tư vốn gián tiếp thông qua thị trường chứng khoán
 - Thu hút vốn kèm theo chuyển giao công nghệ, thích nghi công nghệ mới, làm chủ và cải tiến công nghệ

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- **Chính sách tài chính tiền tệ và ngân hàng ổn định, ngân hàng**
 - Điều chỉnh tỷ giá theo hướng để thúc đẩy xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh, nhưng không gây ra cú sốc về tiền tệ.
- **Chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn**
 - Có chính sách hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn phát triển như: chính sách giá cả, bảo hộ sản xuất nông nghiệp.

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- **Chính sách phát triển nguồn nhân lực, chính sách xã hội và bảo vệ môi trường.**
 - Có chính sách tốt để phát triển nguồn nhân lực
 - Tăng cường đầu tư phát triển các lĩnh vực giáo dục, bảo vệ sức khỏe,
 - Chú trọng bảo vệ môi trường

5. Một số bài học rút ra từ các nước NICs

- Mang đậm nét văn hóa Châu Á
- Là những nước tiến hành CNH muộn nhưng rất thành công
- Xuất phát điểm khá cao so với các quốc gia châu á khác
- Vị trí địa lý chiến lược về kinh tế, chính trị

II. Kinh nghiệm của các nước ASEAN

1. Kinh nghiệm của Malaixia
2. Kinh nghiệm của Thái Lan
3. Kinh nghiệm của Philippin
4. Kinh nghiệm của Indonexia



1. Kinh nghiệm của Malaixia

+ Giai đoạn 1957-1970

Trong những năm đầu, Malaixia vừa mới giành được độc lập

Phát triển nông nghiệp (cây công nghiệp)

Những năm 1960s chú trọng hơn phát triển công nghiệp (CN phục vụ nông nghiệp, CN nhẹ, CN chế biến)

Thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên 6%, đảm bảo cơ bản nhu cầu lương thực

Giải quyết việc làm cho người lao động

1. Kinh nghiệm của Malaixia

+ Giai đoạn 1971-1990

Hướng khuyến khích phát triển công nghiệp.

Chuyển hướng từ chiến lược thay thế nhập khẩu sang hướng về xuất khẩu

Trong giai đoạn 1971-1980

Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, sản xuất thép, chế tạo ô tô

Phát triển nông nghiệp và cơ sở hạ tầng để liên kết phát triển giữa nông nghiệp-công nghiệp, nông thôn-thành thị...

Tăng trưởng trung bình gần 8%, tổng sản phẩm trong nước tăng 2,15 lần.

1. Kinh nghiệm của Malaixia

+ Giai đoạn 1971-1990

Trong giai đoạn 1981-1990

Gặp khó khăn đầu những năm 80s,

Cắt giảm chi tiêu cho nông nghiệp, tăng cường phát triển công nghiệp

Khuyến khích khu vực tư nhân phát triển, tạo điều kiện để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại (ngoài Mỹ, Nhật, Châu Âu, còn tìm cách mở rộng sang các nước khác TQ)

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân là 5,4%

1. Kinh nghiệm của Malaixia

+ Giai đoạn 1991-nay

Phát triển mạnh công nghiệp có hàm lượng khoa học kỹ thuật cao như điện tử, hóa chất... chú trọng chuyển giao công nghệ

Khuyến khích **phát triển kinh tế tư nhân**

Phát triển nguồn nhân lực – đây là 1 trong 5 trụ cột trong phát triển kinh tế của Malaixia hiện nay

GDP bình quân đầu người đạt 7750 USD/người/năm

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

+ Giai đoạn trước 1960

Thái Lan chủ yếu phát triển hai ngành ngân hàng và thương mại.

Trong giai đoạn này Thái Lan là trung tâm thương mại lớn ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương.

+ Giai đoạn 1961-1971

Thái Lan thực thi chiến lược thay thế nhập khẩu.

Phát triển nông nghiệp và công nghiệp sử dụng nhiều lao động

Chú trọng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng như: sân bay, giao thông vận tải...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 3%

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

+ Giai đoạn 1972-1981

Thái Lan chuyển sang chiến lược hướng ngoại

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp và công nghiệp sử dụng nhiều lao động và tài nguyên.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn này là 7,15%

Tuy nhiên trong thời gian này Thái Lan đã không thành công vì...

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

+ Giai đoạn 1982-1991

Tiếp tục khuyến khích phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu

Đầu tư phát triển những ngành có trình độ cao như: điện tử, chế tạo máy

Tiếp tục khuyến khích phát triển nông nghiệp (gạo)

Khuyến khích thu hút vốn đầu tư tư nhân trong nước và nước ngoài

Phát triển mạnh du lịch

Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm

Tăng trưởng kinh tế của Thái Lan khá cao, BQ 7,88%

2. Kinh nghiệm của Thái Lan

+ Giai đoạn 1992-nay

Chú trọng phát triển cân đối giảm chênh lệch giữa các vùng, địa phương trong nền kinh tế

Phát triển công nghiệp chế tạo, linh kiện, phụ tùng

Phát triển những lĩnh vực mới như công nghệ sinh học, du lịch khám chữa bệnh

GDP bình quân/người của Thái Lan 2009 là 3973 USD

3. Kinh nghiệm của Philippin

+ Giai đoạn 1950-1970

Thực hiện chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.

Phát triển các ngành công nghiệp non trẻ, các hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước

Có nguồn lực viện trợ lớn của Mỹ

Phát triển mạnh cơ sở hạ tầng

Về cơ bản chiến lược này của Philippin khá thành công, đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đứng thứ 2 sau Nhật

Tuy nhiên, nền kinh tế bộc lộ những hạn chế như: sử dụng vốn không hiệu quả, thiếu năng động → chuyển hướng chiến lược

3. Kinh nghiệm của Philippin

+ Giai đoạn 1970-1990

Thực hiện chiến lược hướng về xuất khẩu.

Phát triển mạnh các doanh nghiệp vừa và nhỏ,

Khuyến khích phát triển công nghiệp sử dụng nhiều lao động: điện tử, may mặc,...

Thực hiện cuộc cách mạng xanh trong nông nghiệp (năm 1979 xuất khẩu 0,5 triệu tấn gạo).

Tuy nhiên giai đoạn này Philippin phát triển chậm, bị suy thoái

Cán cân thương mại thâm hụt, bội chi ngân sách

Nợ nước ngoài lớn

Tham nhũng và nhiều bất ổn về chính trị

Tăng trưởng 1971-1980 là 5,97%, giai đoạn 1981-1990 là 1,86%

3. Kinh nghiệm của Philippin

+ Giai đoạn 1990-nay

Thực hiện chiến lược "phục hồi kinh tế" và cải cách kinh tế.
Phát triển mạnh công nghiệp chế biến và khai khoáng
Phát triển dịch vụ outsourcing cho nước ngoài (2010 đạt 9,5 tỷ USD)
Kết quả, kinh tế Philippin đang dần hồi phục và trở thành một trong những quốc gia tăng trưởng nhanh nhất trong năm 2010 7,3%.

4. Kinh nghiệm của Indonexia

+ Giai đoạn 1957-1965

Thực hiện cơ chế kế hoạch hóa tập trung
Thực hiện chiến lược thay thế nhập khẩu để hạn chế phụ thuộc vào bên ngoài.
Phát triển mạnh khu vực kinh tế nhà nước, xây dựng những xí nghiệp quy mô lớn.
Mở rộng hoạt động của bộ máy nhà nước
Bội chi lớn → đi vay nước ngoài và in tiền → lạm phát
Năm 1965 tăng trưởng kinh tế 1,4%; lạm phát 650%

4. Kinh nghiệm của Indonexia

+ Giai đoạn 1965-nay

Huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển đất nước
Thực hiện tư nhân hóa, tự do hóa thương mại
Thực hiện cải cách hành chính, xóa bỏ những khoản trợ cấp không cần thiết
Phát triển nông nghiệp, các ngành tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn
Phát triển công nghiệp dựa trên lợi thế tài nguyên thiên nhiên, công nghiệp phục vụ nông thôn (cơ giới, hóa chất, dầu khí, khai thác gỗ, máy nông cụ...)
Đầu tư mạnh vào CSHT và phát triển nguồn nhân lực
Khuyến khích đầu tư trong nước và nước ngoài.

THẢO LUẬN NHÓM

- Từ kinh nghiệm phát triển kinh tế của các nước ASEAN, anh/chị rút ra bài học kinh nghiệm gì cho Việt Nam?

5. Một số bài học rút ra từ các nước ASEAN

- **Vai trò của Chính phủ trong phát triển kinh tế**
Chiến lược của chính phủ có ý nghĩa tiên quyết đối với sự phát triển kinh tế của các nước
- Khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua chính sách giá cả; đầu tư cho nông nghiệp, cơ sở hạ tầng,
- Chính sách phát triển công nghiệp: thực thi chiến lược thay thế nhập khẩu → hướng về xuất khẩu. Các ngành công nghiệp được phát triển dựa trên lợi thế của quốc gia như lao động, tài nguyên thiên nhiên...
- Chính sách thu hút vốn-kỹ thuật
- Chính sách đối với các thành phần kinh tế
- Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng

Những tồn tại cơ bản trong phát triển kinh tế của các nước ASEAN

- Phân hóa giữa các tầng lớp dân cư
- Phát triển không cân đối giữa các vùng, nông thôn-thành thị
- Dân số tăng nhanh làm gia tăng tình trạng thất nghiệp
- Ô nhiễm môi trường và tệ nạn xã hội tăng cao
- Tăng trưởng có xu hướng chậm lại và rơi vào "bẫy thu nhập trung bình".

III. Kinh nghiệm của Trung Quốc và Ấn Độ

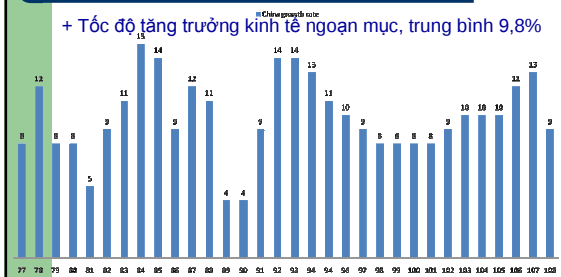
1. Kinh nghiệm của Trung Quốc
2. Kinh nghiệm của Ấn Độ

1. Kinh nghiệm của Trung Quốc



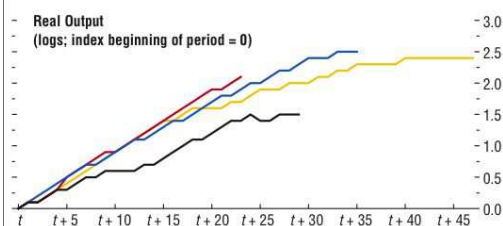
1.1. Tổng quan kinh tế Trung Quốc sau gần 35 năm cải cách

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế ngoạn mục, trung bình 9,8%



China's growth experience over the past quarter-century displays many similarities with previous episodes of fast integration.

China, 1979–2002 Japan, 1955–2002
NIEs, 1967–2002 ASEAN-4, 1973–2002



1.1. Tổng quan kinh tế Trung Quốc sau gần 35 năm cải cách

- + Quy mô nền kinh tế đứng thứ 2 thế giới (7.312 tỷ USD)
 - + Xuất khẩu đứng đầu thế giới (thặng dư thương mại luôn trên 200 tỷ USD)
 - + Dự trữ ngoại tệ đứng đầu thế giới 2.447,1 tỷ USD
 - + Cơ cấu kinh tế: nông nghiệp 11,7%, công nghiệp 48,9%, dịch vụ 39,4%.
 - + Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 53% xuống dưới 8%
 - + Khoa học công nghệ có bước phát triển nhanh, vượt bậc
- Mặc dù chưa trở thành thành viên của tổ chức OECD, nhưng rõ ràng sau gần 35 năm phát triển, nền kinh tế Trung Quốc thực sự là một "trụ cột" kinh tế quan trọng của thế giới

1.1. Tổng quan kinh tế Trung Quốc sau gần 35 năm cải cách

- + Thu nhập bình quân đầu người 3.600 USD/người
- + Tăng trưởng mất cân đối về khu vực (nông thôn-thành thị, Phía Đông với phía Tây...)
- + Tăng trưởng phụ thuộc vào xuất khẩu
- + Còn 40 triệu người sống dưới mức nghèo khổ (theo tiêu chuẩn của Trung Quốc)
- + Chất lượng tăng trưởng thấp, tiêu hao vật tư, năng lượng lớn
- + Ô nhiễm môi trường trầm trọng
- + ...v.v....

1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

1.2. Đặc trưng nổi bật trong chiến lược phát triển của Trung Quốc

- + Về cách tiếp cận cải cách mở cửa
- + Về tư tưởng chiến lược, cải cách mở cửa, "tiến cùng thời đại"
- + Về cách triển khai thực hiện cải cách mở cửa, từ điểm đến diện, từ dễ đến khó...
- + Kết hợp mô hình chuyển dịch cơ cấu theo kiểu làn sóng cơ cấu theo sản phẩm và kiểu leo thang quy trình công nghệ trong chuỗi giá trị sản phẩm.

2. Kinh nghiệm của Ấn Độ



2.1. Tổng quan kinh tế Ấn Độ

- + Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, nhất là trong những năm gần đây.



2. Kinh nghiệm của Ấn Độ

*. Một số đặc điểm nổi bật của Ấn Độ

- + Quy mô kinh tế lớn
- + Lao động dồi dào, giá rẻ
- + Lao động có năng lực tư duy trừu tượng
- + Biết tiếng Anh
 - Ấn Độ thực hiện chiến lược phát triển dựa vào lợi thế so sánh, nhằm vào ngành công nghệ cao, trong đó công nghệ thông tin là trụ cột. Áp dụng phương pháp kinh doanh hiện đại - outsourcing

Thảo luận:

- Từ kinh nghiệm của Trung Quốc và Ấn Độ, Anh/chị rút ra bài học gì cho Việt Nam?

CHƯƠNG V:

Định hướng chiến lược công nghiệp hóa ở Việt Nam